

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ

Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 538/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ X, khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X, khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông Huỳnh Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006 và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 173 quyền số 01/2006 vào ngày 27-10-2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà T và ông L đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng hòa thuận nhưng vẫn không khắc phục được, hiện nay cả hai không còn nói chuyện hay quan tâm gì đến nhau. Cách đây khoảng 03 tháng ông L đã bỏ nhà ra đi và hai người không còn liên lạc với nhau.

Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông L.

- *Về con chung*: Bà T và ông L có 02 người con chung là cháu Huỳnh Trần Anh K, sinh ngày 03-02-2007 và Huỳnh Trần Bảo P, sinh ngày 26-10-2011. Từ nhỏ các cháu đều do bà T chăm sóc nên bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện trước đây bà T yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/02 con/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T đã rút lại yêu cầu trên và không buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Bà T hiện nay có căn nhà do cha mẹ tặng cho, có công việc buôn bán nước giải khát, có thu nhập và chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện nuôi hai con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn ông Huỳnh Ngọc L vắng mặt.***

* ***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

- *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ lời khai của đương sự nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông L là có thật và không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông L.

Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu K và cháu P cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc vắng mặt của bị đơn:*

Ông Huỳnh Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.3] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Tại phiên tòa, bà T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc rút yêu cầu của bà T là tự nguyện nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà T.

[2] Nội dung giải quyết:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Trần Thị Thanh T và ông Huỳnh Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó hôn nhân của bà T, ông L là hợp pháp.

Theo bà T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng bà T chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng bà T đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Nhận thấy, mặc dù những lời khai trên của bà T chỉ là lời khai của một phía và không có sự xác nhận của ông L nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện ông L cũng không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân của mình.

Từ căn cứ trên, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông L.

[2.2] *Về con chung:*

Vợ chồng bà T có 02 người con chung là cháu Huỳnh Trần Anh K, sinh ngày 03-02-2007 và Huỳnh Trần Bảo P, sinh ngày 26-10-2011 và hai cháu đang được bà T chăm sóc. Nhận thấy bà T hiện nay có chỗ ở và việc làm ổn định nên đủ điều kiện để nuôi 02 con đồng thời các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bà T. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 02 con chung cho bà T được

quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Bà T không yêu cầu, còn ông L vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:*

Bà T phải chịu 300.000 đồng.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Bà T, ông L được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc buộc ông Huỳnh Ngọc L phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc L.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Huỳnh Trần Anh K, sinh ngày 03-02-2007 và cháu Huỳnh Trần Bảo P, sinh ngày 26-10-2011 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Huỳnh Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Ngọc L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006013 ngày 21-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường M thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa